

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HS-ST
Ngày: 24-9-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Trúng
2. Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Liên là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Văn Đ, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2000 tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Sóng lang thang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ) và bà Lê Thị Dung; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 16/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), đến ngày 04/3/2019 chấp hành xong án hình phạt tù. Do Đ bị kết án về tội phạm nghiêm trọng khi chưa đủ 18 tuổi nên được xem là không có án tích theo điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 10/5/2019. Hiện bị cáo đang được tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1/ Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1973.

Hộ khẩu thường trú: Ấp 14, xã V, huyện V2, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố M, phường M1, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2/ Anh Trần Hoàng V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu B, ấp 3, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Đình Q, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Ấp T, xã V1, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của anh Vũ Đình Q: ông Vũ Đình T, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã V1, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(anh N, anh V, anh Q và người đại diện hợp pháp của anh Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Đình Q, sinh ngày 08/6/2003 và Lê Văn Đ là đối tượng sống lang thang, không có nghề nghiệp. Để có tiền tiêu xài cá nhân, Q rủ Đ tìm người có sơ hở để chiếm đoạt tài sản bán lấy tiền tiêu xài.

Vào khoảng 04 giờ ngày 05/5/2019, Vũ Đình Q rủ Lê Văn Đ đi bộ đến khu phố M, phường M1, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tìm người có sơ hở thì chiếm đoạt tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Khi đến phòng trọ của anh Nguyễn Văn N (sinh năm 1973), thường trú tại ấp 14, xã V, huyện V2, tỉnh Kiên Giang thì Q nói Đ đứng ngoài canh giới để Q leo tường rào vào trong phòng trọ thì Q thấy anh N đang nằm ngủ ngoài hành lang trước cửa phòng trọ, bên cạnh có để 01 điện thoại di động hiệu SamSung J7, màu vàng. Q lên vào lấy điện thoại SamSung J7, màu vàng của anh N rồi leo rào ra ngoài cùng Đ đi về khu nhà trọ bỏ hoang ở khu phố P2, phường M1, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngủ. Đến 09 giờ sáng cùng ngày thì bị lực lượng tuần tra phường M1, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát hiện.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 71/KL-HĐ.ĐGTS ngày 17/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã kết luận: 01 điện thoại di động SamSung J7, màu vàng của anh Nguyễn Văn N có giá trị sử dụng còn lại là 81,67% trị giá 2.033.583 đồng.

Ngày 09/5/2019, Vũ Đình Q và Đ đi xe bus đến ấp 3, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Đến khoảng 07 giờ ngày 10/5/2019, Vũ Đình Q tiếp tục rủ Lê Văn Đ đi chiếm đoạt tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi Q mang theo 01 cái búa đóng đinh,

dài 30cm, cán bằng gỗ, đầu búa bằng sắt. Cả hai đi bộ đến khu B, ấp 3, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai thì thấy nhà anh Trần Hoàng V (sinh năm 1984) khóa cửa ngoài, không có người trông coi nên Q nói Đ ngồi ở cửa cảnh giới còn Q dùng búa bẻ ổ khóa. Sau khi mở được cửa, Q và Đ đi vào phòng ngủ của anh V lấy được số tiền 5.980.000 đồng và 01 nhẫn kim loại màu vàng, có gắn hạt màu trắng, 01 vòng kim loại màu vàng kí hiệu KM.T.610 485%, 01 nhẫn kim loại màu vàng kí hiệu Kim Tâm 2c 9999 NT.ĐN. Đ và Q cho số tài sản trên vào trong túi quần đi ra ngoài cửa thì bị bà Dương Thị L (sinh năm 1956) là mẹ ruột của anh V phát hiện truy hô cùng lực lượng dân phòng bắt giữ Đạt, Q cùng tang vật và báo cho Công an xã P1 đến lập biên bản phạm tội quả tang, chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N xử lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận giám định số: 2675/C09B ngày 06/6/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 nhẫn kim loại màu vàng, có gắn hạt màu trắng có khối lượng 1.5190 gam, có hàm lượng kim loại vàng (Au) là 59,63%; 01 nhẫn kim loại màu vàng kí hiệu Kim Tâm 2c 9999 NT.ĐN có khối lượng 7,4995 gam, có hàm lượng kim loại vàng (Au) là 99,98%; 01 vòng kim loại màu vàng kí hiệu KM.T.610 485% có khối lượng 1,8164 gam, có hàm lượng kim loại vàng (Au) là 60,38%.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 93/KLĐG-HĐĐG ngày 11/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N đã kết luận: 01 nhẫn kim loại màu vàng kí hiệu Kim Tâm 2c 9999 NT.ĐN trị giá: 7.454.000 đồng; 01 vòng kim loại màu vàng kí hiệu KM.T.610 485% trị giá: 1.150.000 đồng; 01 nhẫn kim loại màu vàng, có gắn hạt màu trắng trị giá: 1.150.000 đồng.

Ngày 19/5/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai khởi tố vụ án về tội “Trộm cắp tài sản” xảy ra vào ngày 10/5/2019 tại khu B, ấp 3, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai và khởi tố bị can đối với Lê Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Ngày 20/6/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngày 24/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có Quyết định chuyển vụ án Hình sự để điều tra số 17/QĐ-VKS-P2, chuyển vụ án trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai để xử lý.

Ngày 29/7/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã có Quyết định nhập vụ án hình sự số 04/QĐ-CSĐT(TH), nhập vụ án hình sự “trộm cắp tài sản” theo quyết định khởi tố vụ án hình sự số 151 ngày 20/6/2019 của cơ quan

Cảnh sát điều tra công an thị xã P với vụ án hình sự “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 69 ngày 19/5/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N.

- Tang vật vụ án:

+ 01 điện thoại di động hiệu SamSung J7, màu vàng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã trả cho anh Nguyễn Văn N.

+ Số tiền 5.980.000đ và 01 nhẫn kim loại màu vàng, có gắn hạt màu trắng, 01 vòng kim loại màu vàng kí hiệu KM.T.610 485%, 01 nhẫn kim loại màu vàng kí hiệu Kim Tâm 2c 9999 (đã trả cho anh Trần Hoàng V)

+ 01 lắc kim loại màu vàng dài khoảng 20cm không có kí hiệu (qua giám định thành phần kim loại đồng 62,27%, kẽm là 35,09%, khối lượng 19,7150gam).

+ 01 cái búa đóng đinh, dài 30cm, cán bằng gỗ, đầu búa bằng sắt.

Đối với Vũ Đình Q (sinh ngày 08/6/2003), do khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 16 tuổi và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Cơ quan cảnh sát điều tra thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N không khởi tố, chuyển xử lý hành chính.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 74/CT.VKS-NT ngày 29/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 14 đến 16 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn N và anh Trần Hoàng V đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xét.

- Về xử lý vật chứng: Đối với 01 lắc kim loại màu vàng dài khoảng 20 cm không có kí hiệu (qua giám định thành phần kim loại đồng 62,27%, kẽm 35,09 %, khối lượng 19.7150 gam) thu giữ của bị cáo Lê Văn Đ không có giá trị sử dụng và không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo Đ; đối với 01 cái búa đóng đinh, dài 30cm, cán bằng gỗ, đầu búa bằng sắt thu giữ của Vũ Đình Q là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo Lê Văn Đ không có ý kiến gì đối về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Công an thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Vào ngày 05/5/2019, Lê Văn Đ và Vũ Đình Q (sinh ngày 08/6/2003) đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu SamSung J7, màu vàng, trị giá 2.033.583 đồng của anh Nguyễn Văn N khi anh N đang nằm ngủ tại phòng trọ tại khu phố M, phường M1, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đến ngày 10/5/2019, Lê Văn Đ và Vũ Đình Q (sinh ngày 08/6/2003) tiếp tục lén lút chiếm đoạt các tài sản gồm: số tiền 5.980.000đ; 01 nhẫn kim loại màu vàng, có gắn hạt màu trắng có khối lượng 1.5190 gam, hàm lượng vàng là 59,63% trị giá 1.150.000 đồng; 01 nhẫn kim loại màu vàng kí hiệu Kim Tâm 2c 9999 NT.ĐN có khối lượng 7,4995 gam, có hàm lượng vàng 99,98% trị giá 7.454.000 đồng; 01 vòng kim loại màu vàng kí hiệu KM.T.610 485% có khối lượng 1,8164 gam, có hàm lượng vàng 60,38% trị giá 1.150.000 đồng của anh Trần Hoàng V tại khu B, ấp 3, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai thì bị phát hiện bắt giữ. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của anh V là 15.734.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Đ và Q đã chiếm đoạt là 17.767.583 đồng.

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố để kết luận bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền để tiêu xài nên bị cáo đã liên tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, bất chấp hậu quả xảy ra. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo không có nơi cư trú ổn định nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ đã tham gia 02 lần chiếm đoạt tài sản liên tiếp các ngày 05/5/2019 và 10/5/2019 và cả hai lần hành vi của bị cáo đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã thu hồi trả lại cho các bị hại, các bị hại không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 lắc kim loại màu vàng dài khoảng 20 cm không có kí hiệu (qua giám định thành phần kim loại đồng 62,27%, kẽm 35,09 %, khối lượng 19.7150 gam) thu giữ của bị cáo Lê Văn Đ không có giá trị sử dụng và không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo. Đối với 01 cái búa đóng đinh, dài 30cm, cán bằng gỗ, đầu búa bằng sắt thu giữ của Vũ Đình Q là công cụ phạm tội nên áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với Vũ Đình Q (sinh ngày 08/6/2003), do khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 16 tuổi và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Cơ quan cảnh sát điều tra thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N không khởi tố, chuyển xử lý hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo Lê Văn Đ phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/5/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Trả lại cho bị cáo Lê Văn Đ 01 lắc kim loại màu vàng dài khoảng 20 cm không có kí hiệu (qua giám định thành phần kim loại đồng 62,27%, kẽm 35,09 %, khối lượng 19.7150 gam) thu giữ của bị cáo Lê Văn Đ;

Tịch thu tiêu hủy: 01 cái búa đóng đinh, dài 30cm, cán bằng gỗ, đầu búa bằng sắt thu giữ của Vũ Đình Q là công cụ dùng để phạm tội.

(Các vật chứng nêu trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện N đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/8/2019).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án/

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục thi hành án DS huyện N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang